

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế;Chuyên ngành: Kinh tế học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Tô Thế Nguyên

2. Ngày tháng năm sinh: 19/03/1977; Nam; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 16, hẻm 8 ngách 15, ngõ 79 đường Nguyễn Văn Huyền, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: P101, nhà E4, số 144 đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0912266112;

E-mail: tothenguyen@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 05/2001 đến tháng 08/2003: là Bí thư Liên chi đoàn, khoa Kinh tế và PTNT, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;
- Từ tháng 08/2001 đến tháng 08/2003: học Thạc sĩ Kinh tế tại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Từ tháng 05/2001 đến tháng 11/2011: là giảng viên bộ môn Kinh tế lượng, khoa Kinh tế và PTNT, trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Từ tháng 12/2011 đến tháng 12/2015: là nghiên cứu sinh (tiến sĩ) tại khoa Kinh tế, trường Đại học Strasbourg, Pháp.
- Từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2020: là giảng viên bộ môn Kế hoạch và Đầu tư, khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2020: là chủ tịch Công đoàn khoa Kinh tế và PTNT; UV BCH Công đoàn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 8/2017 đến tháng 06/2020: là chi uỷ viên chi bộ khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 12/2020 đến nay: là giảng viên khoa Kinh tế Chính trị, trường Đại học Kinh tế-Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ tịch Công đoàn khoa Kinh tế và PTNT, Học viện NN VN.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế Chính trị, khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: P101, E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 029 23. 83 88 31

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 05 tháng 10 năm 1999, ngành: Kinh tế Nông nghiệp, chuyên ngành: Kinh tế. Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Nông nghiệp I-Hà Nội.

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 12 năm 2003, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế. Nơi cấp bằng ThS: Đại học Nông nghiệp I- Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 02 năm 2016, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế. Nơi cấp bằng TS: Đại học Strabourg, Pháp.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng . năm . , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Kinh tế-Đại học Quốc gia Hà Nội**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS ngành, liên ngành:

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ứng xử của cá nhân với biến đổi khí hậu; hành vi của cá nhân với chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên;
- Đã công bố 39 bài báo KH, trong đó 12 bài báo KH trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS và các Nhà xuất bản có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): bằng khen Bộ NN &PTNT.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) **Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:** trung thành tuyệt đối với lý tưởng của Đảng, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước và tại nơi cư trú.

b) **Về công tác giảng dạy và nghiên cứu:** tôi luôn tích lũy kiến thức, trau dồi kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn giúp hoàn thành tốt việc giảng dạy và hướng dẫn khoá luận, luận văn cho các bậc học cử nhân và sau đại học. Hơn nữa, tôi còn mở rộng tìm kiếm thiết lập quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế, mời giảng các giảng viên có trình độ chuyên môn sâu cùng tham gia giảng dạy chuyên môn, báo cáo seminar giúp đồng nghiệp, học viên nâng cao kiến thức.

c) **Về sức khỏe:** tôi có sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp của một giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 18 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	0	0	0		220	210	562/270
2	2016-2017	0	0	0	11	919,78	110,68	1258,1/270
3	2017-2018	1	0	2	8	983,19	180,92	1467/229,5

03 năm học cuối								
4	2018-2019	1	0	3	4	294,51	211,19	767,8/229,5
5	2019-2020	1	0	5	3	160,34	772,04	1239/229,5
6	2020-2021	1	2	1	2	130,51	301,02	639,2/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận án TS tại nước: Pháp năm 2012-2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Thăng		HVCH	x		2016-2017	Học viện NNVN	2018
2	Nguyễn Thuỳ Linh		HVCH	x		2017-2018	Học viện NNVN	2019

3	Nguyễn Anh Tuấn		HVCH	x		2017-2018	Học viện NNVN	2019
4	Nguyễn Trung Dũng		HVCH	x		2019-2020	Học viện NNVN	2020
5	Phó Đức Hùng		HVCH	x		2019-2020	Học viện NNVN	2020
6	Nguyễn Minh Thành		HVCH	x		2019-2020	Học viện NNVN	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [].....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp	CN	Cấp tỉnh	12 tháng	26/12/2016

	kinh tế - kỹ thuật tăng cường liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2016-2020		(Vĩnh Phúc)	(2016-2016)	Xếp loại: Khá
2	Tái cấu trúc ngành chè theo hướng sản xuất hữu cơ	CN	Cấp Nhà nước - Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)	24 tháng (2019-2020)	20/11/2020 Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
1.	Impact of political connection on farming households' performance of tea production in Vietnam	2	Tác giả chính	Journal of Agricultural Science (Electronic ISSN: 1916-9760)		2	7 (12), 107-119	2015
2.	Technical efficiency and agricultural policy: Evidence from the tea production in Vietnam	2		Review of Agricultural, Food and Environmental Studies (Electronic ISSN: 2425-6897)	Springer	12	97 (3), 173-184	2016
3.	Modeling farmers' decisions on tea varieties in Vietnam: a multinomial logit analysis	3		Agricultural Economics (Electronic ISSN:1574-0862)	ISI (Q1) IF: 2.263	13	48(3), 1-9	2017
4.	Efficiency and adoption of organic tea production: Evidence from Vi Xuyen	2	Tác giả	Asia-Pacific Journal of Regional Science (Electronic ISSN:	ISI	5	3(1),	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	district, Ha Giang province, Vietnam		chính	2509-7954)			201-217	
5.	Farmers' adoption of alternative technology	2	Tác giả chính	Asia-Pacific Journal of Regional Science (Electronic ISSN: 2509-7954)	ISI	0	3(1), 33-59	2018
6.	Robustnes analysis of organic technology adoption: Evidence from Northern Vietnamese tea production	3		European Review of Agricultural Economics (Electronic ISSN: 1464-3618)	ISI (Q1) IF: 2.323	2	47(2), 529-557	2019
7.	Impact of government intervention to maize efficiency at farmer's level across time: a robust evidence in Northern Vietnam	2	Tác giả chính	Environment, Development and Sustainability (Electronic ISSN: 1573-2975)	ISI (Q2) IF: 2.191	2	1 (383-393)	2020
8.	Market-oriented extension and farming efficiency in small-scale maize farmers: Evidence from Northern Vietnam	2	Tác giả chính	Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies (Electronic ISSN: 2044-0839)	SCOPUS (Q2)	0	11(2), 194-218	2021
9.	Technical efficiency and the adoption of multiple agricultural technologies in the mountainous areas of Northern Vietnam	3		Land Use Policy, (Electronic ISSN: 0264-8377)	ISI (Q1) IF: 3.682	2	103, 105289	2021
10.	Economic impact of political ties in Vietnam: Evidence from northern rural households	3	Tác giả chính	Asia-Pacific Journal of Regional Science (Electronic ISSN: 2509-7954)	ISI	0	5, 933-1021	2021
11.	On the (a)symmetric effects of real exchange rate on trade flows: New evidence from US-Vietnam trade balance at the industry level	3		Journal of the Asia Pacific Economy (Electronic ISSN: 1354-7860)	ISI (Q3) IF: 0.877	1		2021
12.	Impact of human capital on technical efficiency in	4		International Journal of Agricultural	ISI (Q1)	0		2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	sustainable food crop production: A meta-analysis			Sustainability (ISSN: 1473-5903)	IF: 2.905			
13.	Does wage bonus positively impact the economy?	2	Tác giả chính	Fulbright Review of Economics and Policy (ISSN: 2635-0181)	Emerald	0	1(1), 21-31	2021
14.	Changes in the environment from perspectives of small-scale farmers in remote Vietnam	4	Tác giả chính	Regional Environmental Change (ISSN: 1436-3798)	ISI (Q1) IF: 3.678	0	21-98	2021
15.	Phân tích quyết định về lựa chọn sản xuất rau an toàn: Trường hợp của các hộ nông dân xã Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	2	Tác giả chính	Kinh tế và Phát triển (ISSN 1859-0012)			227(2), 81-92	2016
16.	Thu hút FDI của các nước trên thế giới: Bài học cho Việt Nam	2	Tác giả chính	Tạp chí Công Thương (ISSN: 0866-7756)			255(2), 174-179	2017
17.	Hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất mía: Trường hợp của các hộ nông dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (1859-0004)			16(5), 519-526	2018
18.	Sự hài lòng của khách du lịch đối với sản phẩm dịch vụ lưu trú: Nghiên cứu ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	1	Tác giả chính	Tạp chí Công Thương (ISSN: 0866-7756)			12(1), 320-325	2018
19.	Phân tích hành vi lựa chọn hình thức nuôi trồng thủy sản: Trường hợp của các hộ nông dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	2	Tác giả chính	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán (ISSN: 1859-4093)			12 (185), 27-31	2018
20.	Phân tích quyết định về lựa chọn chăn nuôi lợn an toàn của các hộ: Nghiên cứu ở huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2	Tác giả chính	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán (ISSN: 1859-4093)			5 (190), 26-31	2019
21.	Assessing the handicraft enterprises' willingness to	2	Tác giả	Vietnam's Socio-Economic			4(100),	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	pay for waste treatment in Red River Delta, Vietnam		chính	Development (0868-359X)			69-79	
22.	Efficiency of maize production: Evidence from northern Vietnam	1	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (ISSN: 0866-7489)			3, 56-61	2019
23.	Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của hộ chăn nuôi trong chuỗi cung ứng lợn thịt tại huyện Cẩm Giàng, Hải Dương	2	Tác giả chính	Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			6, 71-75	2019
24.	Hiệu quả kỹ thuật và áp lực môi trường của các hộ chăn nuôi lợn ở Hải Dương	3	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp VN (ISSN: 1859-0004)			17(6), 516-524	2019
25.	Độc quyền-thất bại truyền thống của thị trường: chính sách, công cụ can thiệp nhằm hạn chế tổn thất phúc lợi xã hội	3		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (ISSN: 0866-7489)			7(494), 3-11	2019
26.	Các yếu tố quyết định canh tác chè hữu cơ của các nông hộ ở Việt Nam	2	Tác giả chính	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, (ISSN: 0868-2984)			5(289), 43-56	2020
27.	Vietnamese tea exporting and forecasting to 2030	3	Tác giả chính	Vietnam Journal of Agricultural Sciences, (2588-1299)			3(2), 636-646	2020
28.	Tái cơ cấu sản xuất chè theo hướng an toàn: Trường hợp của huyện Tân Uyên, Lai Châu	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (ISSN: 0866-7489)			2(501), 88-96	2020
29.	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng điện của hộ gia đình: Trường hợp tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	2	Tác giả chính	Kinh tế và Dự báo, (ISSN:0866-7120)			21, 92-95	2020
30.	Mức sẵn lòng chi trả bảo hiểm nông nghiệp cho cây cam của các nông hộ ở huyện Vĩ Xuyên, tỉnh Hà Giang	3	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (ISSN: 0866-7489)			10(509), 81-89	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
31.	Hành vi mua sắm trực tuyến của các sinh viên trên địa bàn TP. Hà Nội	3	Tác giả chính	Kinh tế và Dự báo, (ISSN:0866-7120)			30, 42-45	2020
32.	Tổng quan về di cư và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế	3		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (1859-0004)			18(11), 1046-1053	2020
33.	Hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất chè ở miền núi phía Bắc, Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán (ISSN: 1859-4093)			5(214), 77-81	2021
34.	Ứng xử với thời tiết cực đoan của các nông hộ trên địa bàn huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình	5	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (ISSN: 0866-7489)			5(516) 103-111	2021
35.	Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng đối với thủ tục hành chính tại Kho bạc Nhà nước Phù Yên, Sơn La	2	Tác giả chính	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán (ISSN: 1859-4093)			2(211), 32-37	2021
36.	Lựa chọn liên kết trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ cam của nông hộ trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	3	Tác giả chính	Tạp chí Phát triển bền vững vùng (ISSN: 2354-0729)			11(1), 89-98	2021
37.	Tác động của dịch COVID-19 tới hoạt động học tập của sinh viên trên địa bàn TP Hà Nội	5	Tác giả chính	Kinh tế và Dự báo, (ISSN:0866-7120)			15, 46-49	2021
38.	Impact of the Input Subsidy on Farming Productivity of Maize Farmers in Son La and Hoa Binh provinces, Vietnam	2	Tác giả chính	Kinh tế và Kinh doanh (ISSN:)			2, 95-102	2021
39.	Tác động dịch bệnh Covid19 tới lao động di cư Hoàn Sơn Tiên Du Bắc Ninh	4		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp VN (1859-0004)			19(10), 1343-1352	2021
II	Sau khi được công nhận PGS							
1								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2								

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 30 bài báo bao gồm số thứ tự: 4, 5, 7, 8, 10, 14 và 15-24, 26-38.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ	Cơ quan/tổ chức	Văn bản công	Giải thưởng cấp	Số tác giả
----	-------------------	-----------------	--------------	-----------------	------------

	thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	công nhận	nhận (số, ngày, tháng, năm)	Quốc gia/Quốc tế	
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH được cấp bằng ThS bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Tô Thế Nguyên